

LUẬT
THỂ DỤC, THỂ THAO
CỦA QUỐC HỘI KHOÁ XI, KỲ HỌP THỨ 10
SỐ 77/2006/QH11 NGÀY 29 THÁNG 11 NĂM 2006

Căn cứ vào Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992 đã được sửa đổi, bổ sung theo Nghị quyết số 51/2001/QH10 ngày 25 tháng 12 năm 2001 của Quốc hội khoá X, kỳ họp thứ 10;

Luật này quy định về thể dục, thể thao.

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Luật này quy định về tổ chức và hoạt động thể dục, thể thao; quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động thể dục, thể thao.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Luật này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động thể dục, thể thao; tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động thể dục, thể thao tại Việt Nam.

Điều 3. Áp dụng Luật thể dục, thể thao

- Hoạt động thể dục, thể thao và quản lý hoạt động thể dục, thể thao phải tuân thủ quy định của Luật này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.
- Trường hợp điều ước quốc tế mà Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác với quy định của Luật này thì áp dụng theo quy định của điều ước quốc tế đó.

Điều 4. Chính sách của Nhà nước về phát triển thể dục, thể thao

1. Phát triển sự nghiệp thể dục, thể thao nhằm nâng cao sức khỏe, thể lực, tầm vóc người Việt Nam, góp phần cải thiện đời sống văn hoá, tinh thần cho nhân dân, tăng cường hợp tác, giao lưu quốc tế về thể thao, nâng cao sự hiểu biết giữa các quốc gia, dân tộc phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Tăng dần đầu tư ngân sách nhà nước, dành quỹ đất và có chính sách phát huy nguồn lực để xây dựng cơ sở vật chất, đào tạo bồi dưỡng nhân lực, phát hiện và bồi dưỡng năng khiếu thể thao để đào tạo thành những tài năng thể thao, nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ nhằm nâng cao chất lượng hoạt động thể dục, thể thao, phát triển một số môn thể thao đạt trình độ thế giới.

2. Khuyến khích tổ chức, cá nhân tham gia phát triển sự nghiệp thể dục, thể thao, thành lập cơ sở dịch vụ hoạt động thể thao đáp ứng nhu cầu tập luyện, vui chơi, giải trí của nhân dân, bảo đảm để các cơ sở thể thao công lập và tư nhân được bình đẳng trong việc hưởng ưu đãi về thuế, tín dụng, đất đai theo quy định của pháp luật.

3. Ưu tiên đầu tư phát triển thể dục, thể thao ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, bảo tồn và phát triển các môn thể thao dân tộc.

Điều 5. Cơ quan quản lý nhà nước về thể dục thể thao

- Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về thể dục thể thao.

2. Ủy ban Thể dục thể thao chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về thể dục thể thao.

3. Bộ, cơ quan ngang bộ phối hợp với Ủy ban Thể dục thể thao thực hiện quản lý nhà nước về thể dục thể thao theo thẩm quyền.

4. Ủy ban nhân dân các cấp thực hiện quản lý nhà nước về thể dục thể thao ở địa phương theo phân cấp của Chính phủ.

Điều 6. Nội dung quản lý nhà nước về thể dục, thể thao

1. Xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chính sách phát triển thể dục, thể thao, các văn bản quy phạm pháp luật về thể dục, thể thao.

2. Tổ chức, chỉ đạo công tác đào tạo, bồi dưỡng nhân lực cho thể dục, thể thao.

3. Kiểm tra, đánh giá phát triển thể dục, thể thao quần chúng và hoạt động thi đấu thể thao.

4. Tổ chức, chỉ đạo hoạt động nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ trong lĩnh vực thể dục, thể thao.

5. Huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực phát triển sự nghiệp thể dục, thể thao.

6. Tổ chức, chỉ đạo công tác thi đua, khen thưởng trong hoạt động thể dục, thể thao.

7. Tổ chức, chỉ đạo thực hiện hợp tác quốc tế về thể thao.

8. Thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật về thể dục, thể thao.

Điều 7. Thanh tra thể dục, thể thao

1. Thanh tra thể dục, thể thao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành trong lĩnh vực thể dục, thể thao.

2. Tổ chức và hoạt động của thanh tra thể dục, thể thao được thực hiện theo quy định của pháp luật về thanh tra.

Điều 8. Khiếu nại, tố cáo trong hoạt động thể dục, thể thao

Việc khiếu nại, tố cáo và giải quyết khiếu nại, tố cáo trong hoạt động thể dục, thể thao được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Thông tin, tuyên truyền về thể dục, thể thao

1. Cơ quan quản lý nhà nước về thể dục thể thao các cấp có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức có liên quan để tuyên truyền về lợi ích, tác dụng của thể dục, thể thao, vận động mọi người tham gia hoạt động thể dục, thể thao.

2. Đài phát thanh, truyền hình có trách nhiệm phát sóng hàng ngày chương trình thể dục buổi sáng.

3. Các cơ quan thông tin đại chúng có trách nhiệm thông tin, tuyên truyền về hoạt động thể dục, thể thao trong nước và quốc tế phục vụ đời sống tinh thần của nhân dân.

Điều 10. Những hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động thể dục, thể thao

1. Lợi dụng hoạt động thể dục, thể thao xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân; gây thiệt hại đến sức khỏe, tính mạng con người, trái với đạo đức, thuần phong mỹ tục và bản sắc văn hoá dân tộc.

2. Sử dụng chất kích thích, phương pháp bị cấm trong tập luyện và thi đấu thể thao.

3. Gian lận trong hoạt động thể thao.

4. Bạo lực trong hoạt động thể thao.

5. Cản trở hoạt động thể dục, thể thao hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

6. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn làm sai lệch kết quả thi đấu thể thao.

Chương II

THỂ DỤC, THỂ THAO CHO MỌI NGƯỜI

Mục 1

THỂ DỤC, THỂ THAO QUẦN CHÚNG

Điều 11. Phát triển thể dục, thể thao quần chúng

1. Nhà nước có chính sách đầu tư và khuyến khích tổ chức, cá nhân tham gia phát triển thể dục, thể thao quần chúng, tạo cơ hội cho mọi người không phân biệt lứa tuổi, giới tính, sức khỏe, tình trạng khuyết tật được thực hiện quyền hoạt động thể dục, thể thao để nâng cao sức khỏe, vui chơi, giải trí.

2. Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm xây dựng các công trình thể thao công cộng, bảo đảm nhân lực về chuyên môn, nghiệp vụ thể dục, thể thao; xây dựng mạng lưới cộng tác viên thể dục, thể thao cơ sở đáp ứng yêu cầu hoạt động thể dục, thể thao của cộng đồng dân cư.

3. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận có trách nhiệm vận động hội viên tham gia hoạt động thể dục, thể thao nhằm rèn luyện thân thể, nâng cao sức khỏe; phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước về thể dục thể thao tổ chức biểu diễn và thi đấu thể thao quần chúng.

4. Cơ quan quản lý nhà nước về thể dục thể thao các cấp phối hợp với tổ chức xã hội - nghề nghiệp về thể thao vận động mọi người tham gia phát triển phong trào thể dục, thể thao, phổ biến kiến thức, hướng dẫn tập luyện thể dục, thể thao phù hợp với sở thích, lứa tuổi, giới tính, nghề nghiệp; bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho cộng tác viên thể dục, thể thao cơ sở.

5. Cơ quan nhà nước, tổ chức, doanh nghiệp có trách nhiệm tạo điều kiện để công chức, viên chức, người lao động trong đơn vị mình được tham gia hoạt động thể dục, thể thao.

Điều 12. Phong trào thể dục, thể thao quần chúng

1. Nhà nước phát động phong trào thể dục, thể thao quần chúng nhằm động viên, khuyến khích mọi người tham gia tập luyện thể dục, biểu diễn và thi đấu thể thao, hình thành thói quen rèn luyện thân thể cho mọi người.

2. Phong trào thể dục, thể thao quần chúng được đánh giá bằng chỉ tiêu số người tập luyện thường xuyên và gia đình thể thao. Việc tổ chức, đánh giá phong trào thể dục, thể thao quần chúng tại địa phương được thực hiện theo hướng dẫn của Ủy ban Thể dục thể thao.

Điều 13. Thi đấu thể thao quần chúng

1. Ủy ban Thể dục thể thao chỉ đạo tổ chức thi đấu thể thao quần chúng ở cấp quốc gia.

2. Ủy ban nhân dân các cấp chỉ đạo tổ chức thi đấu thể thao quần chúng tại địa phương mình.

3. Cơ quan, tổ chức được tổ chức thi đấu thể thao quần chúng trong phạm vi quyền hạn của mình.

4. Cơ quan, tổ chức quyết định tổ chức giải thi đấu thể thao quần chúng phải tuân theo quy định của Luật này và có trách nhiệm quy định nội dung, hình thức, chế độ bồi dưỡng, giải thưởng và bảo đảm kinh phí cho việc tổ chức giải thi đấu.

Điều 14. Thể dục, thể thao cho người khuyết tật

1. Nhà nước tạo điều kiện cho người khuyết tật tham gia hoạt động thể dục, thể thao nhằm nâng cao sức khỏe, hoà nhập cộng đồng; bảo đảm cơ sở vật chất và chế độ, chính sách cho vận động viên thể thao khuyết tật tập luyện và thi đấu các giải thể thao quốc gia, quốc tế.

2. Nhà nước khuyến khích tổ chức, cá nhân hỗ trợ người khuyết tật tham gia hoạt động thể dục, thể thao.

3. Cơ quan quản lý nhà nước về thể dục thể thao các cấp phối hợp với tổ chức xã hội - nghề nghiệp về thể thao, cơ quan, tổ chức có liên quan tạo điều kiện, hướng dẫn người khuyết tật tham gia các hoạt động thể dục, thể thao.

4. Công trình thể thao phải được thiết kế phù hợp để người khuyết tật tham gia hoạt động thể dục, thể thao.

Điều 15. Thể dục, thể thao cho người cao tuổi

1. Nhà nước tạo điều kiện và khuyến khích tổ chức, cá nhân chăm lo việc tập luyện, biểu diễn và thi đấu thể thao cho người cao tuổi.

2. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Hội người cao tuổi có trách nhiệm tuyên truyền, vận động người cao tuổi tham gia hoạt động thể dục, thể thao.

Điều 16. Thể dục phòng bệnh, chữa bệnh

1. Cơ quan, doanh nghiệp có trách nhiệm tổ chức tập luyện thể dục phòng chống bệnh nghề nghiệp cho người lao động trong cơ quan và doanh nghiệp của mình.

2. Ủy ban Thể dục thể thao phối hợp với Bộ Y tế tổ chức biên soạn các bài tập thể dục phòng bệnh, chữa bệnh và phổ biến rộng rãi trong nhân dân.

3. Nhà nước khuyến khích tổ chức, cá nhân thành lập cơ sở y tế, cơ sở điều dưỡng, phục hồi chức năng sử dụng phương pháp chữa bệnh bằng thể dục, thể thao.

Điều 17. Các môn thể thao dân tộc

1. Nhà nước có chính sách bảo vệ và phát huy các môn thể thao dân tộc theo quy định của Luật di sản văn hoá và Luật này; khuyến khích tổ chức, cá nhân tham gia khai thác và phát triển các môn thể thao dân tộc, chú trọng các loại hình thể thao của các dân tộc thiểu số.

2. Cơ quan quản lý nhà nước về thể dục thể thao có trách nhiệm tổ chức hướng dẫn tập luyện, biểu diễn và thi đấu các môn thể thao dân tộc; phối hợp với cơ quan, tổ chức có liên quan phổ biến các môn thể thao dân tộc ra nước ngoài.

Điều 18. Thể thao giải trí

1. Nhà nước tạo điều kiện phát triển các môn thể thao giải trí nhằm đáp ứng nhu cầu giải trí của xã hội.

2. Cơ quan quản lý nhà nước về thể dục thể thao có trách nhiệm tổ chức hướng dẫn hoạt động thể thao giải trí.

Điều 19. Thể thao quốc phòng

Bộ Quốc phòng chủ trì phối hợp với Ủy ban Thể dục thể thao hướng dẫn việc tổ chức hoạt động thể thao quốc phòng trong nhân dân.

Mục 2

GIÁO DỤC THỂ CHẤT VÀ THỂ THAO TRONG NHÀ TRƯỜNG

Điều 20. Giáo dục thể chất và thể thao trong nhà trường

1. Giáo dục thể chất là môn học chính khoá thuộc chương trình giáo dục nhằm cung cấp kiến thức, kỹ năng vận động cơ bản cho người học thông qua các bài tập và trò chơi vận động, góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện.

2. Hoạt động thể thao trong nhà trường là hoạt động tự nguyện của người học được tổ chức theo phương thức ngoại khoá phù hợp với sở thích, giới tính, lứa tuổi và sức khoẻ nhằm tạo điều kiện cho người học thực hiện quyền vui chơi, giải trí, phát triển năng khiếu thể thao.

Điều 21. Trách nhiệm của Nhà nước đối với giáo dục thể chất và thể thao trong nhà trường

1. Nhà nước có chính sách dành đất đai, đầu tư xây dựng cơ sở vật chất cho giáo dục thể chất và thể thao trong nhà trường, bảo đảm đủ giáo viên, giảng viên thể dục thể thao cho các bậc học.

2. Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo phối hợp với Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Thể dục thể thao xây dựng chương trình giáo dục thể chất, đào tạo, bồi dưỡng giáo viên, giảng viên thể dục thể thao, hướng dẫn nội dung hoạt động thể thao ngoại khoá trong nhà trường.

3. Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ có trách nhiệm chỉ đạo, tổ chức thực hiện việc xây dựng cơ sở vật chất, bố trí giáo viên, giảng viên thể dục thể thao cho các trường thuộc phạm vi quản lý của mình.

4. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) có trách nhiệm sau đây:

a) Quy hoạch đất đai, xây dựng cơ sở vật chất, nhà tập đa năng, bảo đảm trang thiết bị, dụng cụ thể thao, chỉ tiêu biên chế giáo viên, giảng viên thể dục thể thao cho các trường công lập thuộc địa phương;

b) Thực hiện chính sách ưu đãi về đất đai theo quy định của pháp luật đối với trường tư thục, trường dân lập để các trường này có điều kiện xây dựng cơ sở vật chất phục vụ giáo dục thể chất và thể thao trong nhà trường.

Điều 22. Trách nhiệm của nhà trường

1. Tổ chức thực hiện chương trình môn học giáo dục thể chất theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Quản lý và sử dụng có hiệu quả cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ giáo dục thể chất và thể thao trong nhà trường.

3. Tổ chức cho người học tham gia các hoạt động thể thao ngoại khoá.

4. Bảo đảm an toàn cho người dạy và người học trong các hoạt động thể dục, thể thao.

5. Phát hiện, bồi dưỡng năng khiếu thể thao.

Điều 23. Quyền và nghĩa vụ của giáo viên, giảng viên thể dục thể thao

1. Giảng dạy môn học giáo dục thể chất theo đúng chương trình.

2. Tổ chức hoạt động thể thao ngoại khoá, phát hiện và bồi dưỡng năng khiếu thể thao.
3. Tôn trọng, đối xử công bằng và thực hiện các quy định bảo đảm an toàn cho người học.
4. Được hưởng chế độ phụ cấp đặc thù theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 24. Quyền và nghĩa vụ của người học

1. Thực hiện nhiệm vụ học tập môn học giáo dục thể chất.
2. Được tham gia hoạt động thể thao theo sở thích.
3. Được tuyển chọn vào các trường năng khiếu thể thao.
4. Được sử dụng cơ sở vật chất, trang thiết bị, phương tiện phục vụ giáo dục thể chất và thể thao trong nhà trường.

Điều 25. Thi đấu thể thao trong nhà trường

1. Cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo các cấp, nhà trường có trách nhiệm tổ chức thi đấu thể thao để động viên phong trào thể dục, thể thao trong học sinh, sinh viên.
2. Nội dung, hình thức và các quy định về thi đấu thể thao phải phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý lứa tuổi của người học và điều kiện cơ sở vật chất.

Điều 26. Trách nhiệm của Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh và các tổ chức xã hội – nghề nghiệp về thể thao

Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, các tổ chức xã hội - nghề nghiệp về thể thao có trách nhiệm phối hợp với nhà trường tổ chức các hoạt động thể thao ngoại khoá cho người học.

Mục 3

THỂ DỤC, THỂ THAO TRONG LỰC LƯỢNG VŨ TRANG

Điều 27. Hoạt động thể dục, thể thao trong lực lượng vũ trang

1. Huấn luyện thể lực nhằm nâng cao sức khoẻ cho cán bộ, chiến sỹ để đáp ứng yêu cầu xây dựng lực lượng vũ trang.
2. Tổ chức hoạt động thể thao tự nguyện cho cán bộ, chiến sỹ.
3. Tổ chức huấn luyện và thi đấu thể thao thành tích cao.

Điều 28. Trách nhiệm của cơ quan nhà nước đối với thể dục, thể thao trong lực lượng vũ trang

1. Nhà nước bảo đảm các điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị, đào tạo vận động viên, huấn luyện viên cho hoạt động thể dục, thể thao trong lực lượng vũ trang.
2. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an có trách nhiệm sau đây:
 - a) Tổ chức chỉ đạo xây dựng cơ sở vật chất, bảo đảm trang thiết bị phục vụ tập luyện và thi đấu thể thao trong lực lượng vũ trang;
 - b) Phối hợp với Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Thể dục thể thao ban hành và áp dụng tiêu chuẩn rèn luyện thể lực; tổ chức đào tạo, bồi dưỡng huấn luyện viên, vận động viên, quy định các giải thể thao trong lực lượng vũ trang.

Điều 29. Trách nhiệm của các đơn vị trong lực lượng vũ trang

1. Tổ chức thực hiện chương trình huấn luyện thể lực cho cán bộ, chiến sỹ.

2. Tổ chức và tạo điều kiện cho cán bộ, chiến sỹ tham gia hoạt động thể thao.
3. Quản lý và sử dụng có hiệu quả cơ sở vật chất, trang thiết bị thể dục, thể thao.

Điều 30. Quyền và nghĩa vụ của cán bộ, chiến sỹ

1. Thực hiện chương trình huấn luyện thể lực theo quy định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an.
2. Được tham gia hoạt động thể thao.
3. Được tuyển chọn vào các đội tuyển thể thao tham gia thi đấu các giải thể thao quốc gia, quốc tế.

Chương III

THỂ THAO THÀNH TÍCH CAO

Mục 1

THỂ THAO THÀNH TÍCH CAO

Điều 31. Phát triển thể thao thành tích cao

Nhà nước có chính sách phát triển thể thao thành tích cao, đầu tư tập trung xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện đại; đào tạo, bồi dưỡng vận động viên, huấn luyện viên đạt trình độ quốc gia, quốc tế; tổ chức thi đấu thể thao thành tích cao, tham gia các giải thể thao quốc tế; khuyến khích tổ chức, cá nhân tham gia phát triển thể thao thành tích cao.

Điều 32. Quyền và nghĩa vụ của vận động viên thể thao thành tích cao

1. Trong thời gian tập luyện và thi đấu, vận động viên có các quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a) Được bảo đảm trang thiết bị, phương tiện tập luyện và thi đấu thể thao;
 - b) Được chăm sóc và chữa trị chấn thương;
 - c) Được hưởng chế độ dinh dưỡng đặc thù, tiền công theo quy định của Thủ tướng Chính phủ;
 - d) Thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn;
 - đ) Thực hiện chương trình, giáo án tập luyện của huấn luyện viên;
 - e) Chấp hành quy định của luật thi đấu thể thao và điều lệ giải thể thao.
2. Được tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật; được học tập văn hoá, chính trị, chuyên môn.
3. Rèn luyện, tu dưỡng phẩm chất, đạo đức; nâng cao ý chí, lòng tự hào dân tộc.
4. Vận động viên đạt thành tích xuất sắc trong các giải thể thao quốc gia và quốc tế được hưởng các chế độ ưu đãi về đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, chăm sóc sức khoẻ, tiền thưởng và các chế độ khác theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.
5. Vận động viên không còn khả năng thi đấu thể thao được Nhà nước tạo điều kiện học nghề và giải quyết việc làm theo quy định của pháp luật.

Điều 33. Quyền và nghĩa vụ của huấn luyện viên thể thao thành tích cao

1. Trong thời gian làm nhiệm vụ huấn luyện thi đấu, huấn luyện viên có các quyền và nghĩa vụ sau đây: